

**BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
VIỆN QUY HOẠCH
THỦY LỢI MIỀN NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 171 /QHTLMN

TP Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 6 năm 2024

V/v trả lời phỏng vấn

Ban Thời sự-Đài Truyền hình Việt Nam

Thực hiện Công văn 796/TL-VHTT ngày 10/6/2024 của Cục Thủy lợi về việc phối hợp thực hiện truyền thông về kết quả công tác chỉ đạo, điều hành phòng, chống xâm nhập mặn mùa khô năm 2023-2024 khu vực ĐBSCL, Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam trả lời 2 câu hỏi phỏng vấn như sau:

Câu 1: Định hướng về quy hoạch thủy lợi vùng ĐBSCL có nội dung gì mới, vấn đề gì đã được xem xét theo định hướng phát triển vùng ĐBSCL của Chính phủ.

Hiện nay, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao Viện Quy hoạch Thủy lợi Miền Nam thực hiện Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long giai đoạn 2022-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Để triển khai nhiệm vụ này, có thể khẳng định, Viện tuân thủ định hướng phát triển vùng ĐBSCL đã được phê duyệt.

Nội hàm Định hướng phát triển vùng ĐBSCL hiện nay được thực hiện theo các văn bản chỉ đạo như: Nghị quyết số 13-NQ/TW ngày 2/4/2022 của Bộ Chính trị khóa XIII về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Đồng bằng sông Cửu Long đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Nghị quyết số 120/NQ-CP ngày 17/11/2017 của Chính phủ về phát triển bền vững đồng bằng sông Cửu Long thích ứng với biến đổi khí hậu; Quyết định số 287/QĐ-TTg ngày 28/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng ĐBSCL thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050. Các vấn đề liên quan đến nông nghiệp, thủy lợi có thể tóm tắt như sau:

- **Về Mục tiêu phát triển:** Phân đầu đến năm 2030, ***“Vùng ĐBSCL là vùng sinh thái, văn minh và bền vững, mang đậm bản sắc văn hóa sông nước; là trung tâm kinh tế nông nghiệp bền vững, năng động và hiệu quả cao*** của quốc gia, khu vực và thế giới trên cơ sở phát triển hệ thống các trung tâm đầu mối về nông nghiệp, các hành lang kinh tế và các đô thị động lực tập trung các dịch vụ và công nghiệp đa dạng với hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, thích ứng với biến đổi khí hậu...”.

- **Về Phương hướng phát triển nông nghiệp:** ***Chuyển đổi cơ cấu sản xuất nông nghiệp thích ứng với thay đổi về điều kiện tự nhiên theo 3 tiểu vùng sinh thái (Ngọt, Ngọt-Lợ, Mặn).***

- **Về tư duy phát triển:**

+ Chuyển từ *tư duy sản xuất nông nghiệp thuần túy*, chủ yếu là sản xuất lúa sang *tư duy phát triển kinh tế nông nghiệp đa dạng*, đáp ứng nhu cầu thị trường.

+ *Tôn trọng quy luật tự nhiên*, phù hợp với điều kiện thực tế; **Chọn mô hình thích ứng theo tự nhiên**, thân thiện với môi trường và phát triển bền vững với phương châm chủ động sống chung với lũ, ngập, nước lợ, nước mặn.

+ Xác định **BĐKH, NBD là xu thế tất yếu**, phải sống chung và thích nghi, phải biến thách thức thành cơ hội. **Lấy tài nguyên nước là yếu tố cốt lõi, là cơ sở cho việc hoạch định chiến lược, chính sách, quy hoạch** phát triển vùng, cần phải được quản lý tổng hợp trên toàn lưu vực.

Trên cơ sở các định hướng trên, Bộ Nông nghiệp và PTNT đã chỉ đạo lập Quy hoạch thủy lợi lưu vực sông Cửu Long, với các điểm mới so với quy hoạch thủy lợi trước đây như sau:

- Quy hoạch thủy lợi phải dựa theo 3 vùng sinh thái để đề xuất các giải pháp thủy lợi phù hợp nhằm phát huy các lợi thế, hạn chế các tác động tiêu cực. Cụ thể, **Vùng ngọt sẽ tập trung vấn đề quản lý, kiểm soát lũ, lợi dụng các mặt lợi từ lũ, hạn chế các tác động**; Vùng ngọt – lợ sẽ tập trung vấn đề kiểm soát nguồn nước (mặn – ngọt) phù hợp mô hình sản xuất; Vùng mặn sẽ ưu tiên các giải pháp thủy lợi phục vụ nuôi trồng thủy sản.

- Trên nền tảng **bố trí các vùng sản xuất nông nghiệp phù hợp với điều kiện nguồn nước của các tiểu vùng sinh thái** theo Chương trình tổng thể phát triển nông nghiệp bền vững thích ứng với biến đổi khí hậu vùng ĐBSCL đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 326/QĐ-TTg, **Quy hoạch thủy lợi nghiên cứu đề xuất các giải pháp thủy lợi phù hợp để phục vụ tốt nhất định hướng phát triển nông nghiệp đã đề ra**.

- Ngoài ra, một số khái niệm có tính định hướng cao trong quy hoạch thủy lợi, trong vận hành các hệ thống công trình thủy lợi cũng khác so với trước đây như: từ “**ngăn mặn**” chuyển sang “**kiểm soát mặn**” hoặc cao hơn là “**kiểm soát nguồn nước**”, từ “**chống lũ**” chuyển thành “**kiểm soát lũ**” hoặc cao hơn là “**quản lý lũ**”.

Câu 2: Giải pháp kiểm soát nguồn nước liên vùng ĐBSCL hiện nay như thế nào, định hướng giải quyết nguồn nước liên vùng trong các giai đoạn tới ra sao.

Để thực hiện được các mục tiêu kiểm soát nguồn nước liên vùng một cách hiệu quả, **đòi hỏi ĐBSCL phải xây dựng được hệ thống quản lý nguồn nước hoàn chỉnh** (bao gồm cả phần cứng là các hệ thống công trình thủy lợi, và phần mềm như hệ thống quản lý, quy trình vận hành hệ thống thủy lợi,...).

Nhìn chung, ĐBSCL đã được nhà nước và các địa phương quan tâm đầu tư cả phần cứng, cả phần mềm giúp quản lý nguồn nước trên vùng.

Hiện nay, Đồng bằng sông Cửu Long có **15 hệ thống thủy lợi tương đối hoàn chỉnh** (7 hệ thống liên tỉnh; 8 hệ thống nội tỉnh), với diện tích phục vụ khoảng 2,5 triệu ha (chiếm 64% diện tích của Đồng bằng). Hầu hết các hệ thống thủy lợi đã được Bộ Nông nghiệp và PTNT hoặc các địa phương phê duyệt quy trình vận hành hệ thống.

Về tổng thể, các HTTL này đã phát huy hiệu quả, đáp ứng được các mục tiêu thiết kế của hệ thống. Tuy nhiên, do chưa thực sự hoàn chỉnh, nên trong những trường hợp cực đoan, các hệ thống này vẫn chưa hoàn toàn chủ động kiểm soát được nguồn nước để hỗ trợ cho các vùng nằm cuối hệ thống, hoặc giữa các hệ thống với nhau. Ví dụ, HTTL ĐTM, TGLX, QLPH, CLCB...

Về định hướng giải quyết nguồn nước liên vùng trong thời gian tới, cần tập trung vào **2 nhóm giải pháp**:

(1) Nhóm giải pháp công trình:

- Hoàn thiện, nâng cấp các hệ thống thủy lợi đã được đầu tư, bảo đảm phát huy hiệu quả cao nhất.
- Đầu tư các công trình dẫn nước, chuyển nước cho các khu vực còn khó khăn về nguồn nước.
- Đầu tư các công trình kiểm soát mặn dọc sông chính theo ranh mặn lớn nhất có thể xâm nhập lên để chủ động kiểm soát mặn phục vụ sản xuất.
- Bên cạnh đó, hướng tới việc tiếp tục đầu tư các công trình dọc các sông chính (sông Hậu, sông Tiền) để chủ động kiểm soát nguồn nước, chủ động nhồi nước, trữ nước để chuyển phục vụ những khu vực khó khăn, xa dòng chính như vùng ven biển, vùng Nam Cà Mau,...
- Đầu tư một số hồ trữ nước phân tán quy mô nhỏ để phục vụ tạm thời trong thời gian bị thiếu nước, xâm nhập mặn.
- Đối với khu vực thượng nguồn cần tính toán đến các công trình đầu mối kiểm soát lũ, giảm bớt đầu tư các công trình kiểm soát lũ quy mô nhỏ (các ô bao, bờ bao quy mô nhỏ).
- Hoàn thiện hệ thống đê biển, các khu rừng ngập mặn ven biển để phòng chống thiên tai từ phía biển.
- Về **dài hạn** tiếp tục **nghiên cứu kiểm soát nguồn nước bằng các công trình lớn cửa sông**, nhằm chủ động điều tiết nguồn nước, giảm xâm nhập mặn, ứng phó với các kịch bản nguồn nước cực đoan nhất.

(2) Nhóm giải pháp phi công trình:

- Tập trung chuyển đổi mô hình sản xuất, chuyển đổi mùa vụ, thích ứng với điều kiện tự nhiên; sử dụng ít nước hơn, hiệu quả kinh tế cao hơn (cây ăn trái, rau màu...).
- Với những vùng chuyển tiếp (vùng ngọt lợ) chuyển đổi mạnh sang các mô hình luân canh theo mùa (mô hình tôm – lúa), những vùng chuyên nuôi trồng thủy

sản (vùng ven biển) có các giải pháp đảm bảo môi trường nước, phòng chống dịch bệnh lan truyền trong nguồn nước.

- Tăng cường năng lực dự báo, cảnh báo, bố trí lịch thời vụ canh tác thích hợp để hạn chế bớt tác động của hạn hán, xâm nhập mặn, né đỉnh lũ, từ đó có thể giảm đầu tư xây dựng các công trình thủy lợi.

- Sản xuất lúa theo mô hình tiên tiến, tiết kiệm nước (Theo Đề án phát triển bền vững 1 triệu ha lúa chất lượng cao, phát thải thấp vùng ĐBSCL).

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Ban thời sự- Đài TH Việt Nam;
- Ban Lãnh đạo Viện;
- Lưu VPV.

VIỆN TRƯỞNG



Đỗ Đức Dũng